TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 433/2023/DS-PT
Ngày 25 – 12 - 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú, bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Khổng Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 295/2023/DS – PT ngày 17/10/2023 về việc: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 298/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Diệu H, sinh năm 1971. Có mặt
Địa chỉ: Thôn T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tứ Q, sinh năm 1977 (có mặt), bà Nguyễn Thị Thái T, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.
Bà Nguyễn Thị T1 Thành ủy quyền cho ông Nguyễn Tứ Q tham gia tố tụng, theo Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày:

Bà H với vợ chồng ông Nguyễn Tứ Q, bà Nguyễn Thị Thái T là chỗ quen biết. Trước đó, ngày 10/12/2021 bà H có cho vợ chồng ông Q, bà T vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, khi vay hai bên có làm giấy tờ vay mượn và ông Q, bà T ký nhận vào giấy nhận nợ, không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận miệng là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và hẹn trong vòng 02 ngày sẽ trả lại toàn bộ số tiền vay. Đến ngày 13/12/2021, ông Q chỉ chuyển khoản cho bà H được ba đợt tại Ngân hàng S với tổng số tiền là 750.000.000 đồng (có sao kê), nên ngày 14/12/2021 bà H viết lại giấy cho vợ chồng ông Q, bà T vay số tiền là 750.000.000 đồng. Khi đến hẹn ông Q trả được cho bà H số tiền là 100.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 650.000.000 đồng. Mặc dù bà H đã nhiều lần gặp và đề nghị ông Q, bà T phải trả số nợ lại nhưng ông Q, bà T vẫn không chịu trả, nên bà H làm đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Q, bà T phải trả cho bà H số tiền còn nợ là 650.000.000 đồng và lãi suất theo mức 1,66%/tháng kể từ ngày vay tiền 14/12/2021 đến ngày 14/02/2023 và tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ.

Cụ thể: 650.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 420 ngày = 151.060.000 đồng.

Tổng cộng bà H yêu cầu ông Q, bà T phải trả tiền gốc và lãi là: 801.060.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Tứ Q và bà Nguyễn Thị Thái T trình bày:

Vợ chồng ông Q, bà T thừa nhận trước đây có nhiều lần mượn tiền của bà H, quá trình vay mượn vợ chồng đã trả hết toàn bộ số tiền đã mượn cho bà H và hiện nay không còn nợ bà H bất cứ khoản tiền nào nữa.

Hiện nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà T trả số tiền còn nợ là 650.000.000 đồng thì vợ chồng ông Q, bà T không đồng ý, bởi lý do, vào ngày 11/12/2021 vợ chồng có mượn của bà Trần Thị Diệu H số tiền là 750.000.000 đồng và đến ngày 13/12/2021 đã chuyển khoản trả lại toàn bộ số tiền nợ cho bà H, còn lãi suất thì đưa tiền mặt với số tiền là 9.000.000 đồng. khi đưa thì không có giấy tờ gì.

Đối với Giấy vay tiền mà bà H khởi kiện ông Q thì đó là giấy vay tiền vào ngày 11/12/2021 không phải là giấy vay tiền ngày 14/12/2021. Vì tin tưởng nhau nên sau khi trả nợ cho bà H xong thì ông Q không lấy lại giấy vay tiền bản gốc và bà H đã sửa lại ngày (từ ngày 11/12/2021 sang thành ngày 14/12/2021).

Nay bà H khởi kiện theo Giấy vay tiền đề ngày 14/12/2021 và yêu cầu ông Q, bà T trả nợ số tiền 650.000.000 đồng thì ông Q, bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 29/2023/DSST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diệu H. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tứ Q và bà Nguyễn Thị Thái T phải trả cho bà Trần Thị Diệu H tổng cộng cả gốc và lãi số tiền là 725.530.000 đồng *"Bảy trăm hai lăm triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng"*.

Kể từ ngày 16/8/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2023, bị đơn ông Nguyễn Tứ Q, bà Nguyễn Thị Thái T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng việc thu thập, đánh giá chứng cứ.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tứ Q vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tứ Q. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DSST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tứ Q làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tứ Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 10/12/2021 bà H có cho vợ chồng ông Q, bà T vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, khi vay thì hai bên có làm giấy tờ vay mượn và ông Q có ghi giấy nhận nợ, khi làm giấy tờ vay mượn hai bên không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận miệng là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và hẹn trong vòng 02 ngày sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên. Đến ngày 13/12/2021, ông Q chuyển khoản cho bà H được ba đợt tại Ngân hàng S với tổng số tiền gốc là 750.000.000 đồng (có sao kê), nên ngày 14/12/2021 bà H viết lại giấy cho vợ chồng ông Q, bà T vay số tiền là 750.000.000 đồng. Quá thời hạn trả tiền bà H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Tứ Q, bà Nguyễn Thị Thái T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Q, bà T không thực hiện do đó các bên xảy ra tranh chấp. Xét quan hệ pháp luật dân sự mà các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 BLDS năm 2015. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bị đơn khai: Tôi có quen biết với chồng bà H, do tôi làm công trình ở Đồng Nai cần tiền nên tối ngày 10/12/2021 tôi và vợ tôi bà Nguyễn Thị Thái T đến nhà bà H để hỏi vay số tiền 1.500.000.000đ. Bà H đồng ý cho vợ chồng tôi vay và nói tôi viết giấy vay. Tôi thừa nhận đã viết "Quý mượn của chị Hương T2 số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng)" trong lúc tôi viết giấy vay bà H đi gọi điện, sau đó bà H quay lại nói với tôi không có tiền nên bảo vợ chồng tôi về ngày mai bà H tính. Nên khi viết đến đó bà H nói vậy thì vợ chồng tôi về, không vay khoản tiền 1.500.000.0000đ nữa, cũng không ký vào giấy vay, không nhận tiền.

Sáng ngày hôm sau ngày 11/12/2021 khoảng 8h sáng bà H gọi vợ chồng tôi chạy lên thị xã B gặp nhau tại 1 quán cà phê. Bà H nói chỉ có 750.000.000đ nên cho tôi vay 750.000.000đ, lãi suất 3.000đ/1triệu/1 ngày, thời hạn vay 2 ngày. Bà H tính toán lãi xong thì đưa cho tôi 741.000.000đ. Tôi có viết giấy vay và vợ chồng tôi ký tên. Khi viết giấy vay tôi là người viết, ngày vay là ngày 11/12/2021 chứ không phải là ngày 14/12/2021 như bà H trình bày. Bà H tự ý sửa lại ngày, còn năm thì tôi và bà H tô đậm chứ không phải sửa. Hai ngày sau vào ngày

13/12/2021 tôi có chuyển khoản 3 lần cho bà H tổng số tiền 750.000.000đ. Tôi khẳng định tôi đã trả hết số tiền vay 750.000.000đ cho bà H.

Còn đối với giấy vay ngày 10/12/2021 như tôi đã trình bày ở trên là tôi viết "Quý mượn của chị Hương T2 số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng)" thì bà H nói không có tiền nên tôi dừng không viết nữa nhưng tôi cũng không xé bỏ, hay lấy lại mà để lại trên bàn nhà bà H rồi ra về. Tôi và vợ tôi không có nhận số tiền 1.500.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà H không xuất trình giấy vay 1.500.000.000đ vào ngày 10/12/2021 mãi đến khi diễn ra phiên tòa sơ thẩm bà H mới xuất trình. Bản thân tôi do không mượn 1.500.000.000đ nên cũng không nhớ ra sự việc ngày hôm đó nên yêu cầu giám định giấy vay ngày 10/12/2021. Nay tôi thừa nhận tôi viết giấy vay như đã trình bày ở trên, nhưng không có việc vay mượn tiền, vợ chồng tôi không nhận số tiền 1.500.000.000đ nếu có việc vay mượn thì vợ chồng tôi đã ký tên chứ không dừng ở đó. Các giấy vay tiền vào ngày 11/12/2021(sửa thành 14/12/2021) vay 750.000.000đ và giấy vay ngày 20/12/2021 vay 2.000.000.000đ vợ chồng tôi đã trả đều có chữ ký của vợ chồng tôi. Nên tôi khẳng định tôi không vay bà H số tiền 1.500.000.000đ. Số tiền 750.000.000đ vợ chồng tôi đã trả hết cho bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền gốc 650.000.000đ và 75.530.000đ tiền lãi thì tôi không đồng ý vì tôi đã trả hết số tiền vay 750.000.000đ cho bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn cung cấp 2 giấy vay tiền: Giấy vay ngày 10/12/2021 vay số tiền 1.500.000.000 đồng và Giấy vay ngày 14/12/2021 vay số tiền 750.000.000 đồng. Theo lời khai của nguyên đơn thì vào ngày 10/12/2021 nguyên đơn có cho vợ chồng ông Q, bà T vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, khi vay thì hai bên có làm giấy tờ vay mượn và ông Q có ghi giấy nhận nợ, khi làm giấy tờ vay mượn hai bên không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận miệng là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và hẹn trong vòng 02 ngày sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên. Đến ngày 13/12/2021, ông Q chuyển khoản cho nguyên đơn được ba đợt tại Ngân hàng S với tổng số tiền gốc là 750.000.000 đồng (có sao kê), nên ngày 14/12/2021 bà H viết lại giấy cho vợ chồng ông Q, bà T vay số tiền là 750.000.000 đồng. Vì vậy giấy vay tiền ngày 14/12/2021 thực chất theo nguyên đơn trình bày chỉ là giấy chốt nợ còn lại giữa nguyên đơn với bị đơn.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Tứ Q có đơn yêu cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 1415 ngày 12/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận "Dòng chữ có nội dung đọc được "Ngày 14/12/2021" tại dòng thứ nhất tính từ trên xuống trên tài liệu cần giám định kí hiệu A2 có sửa chữa tại vị trí cuối của phần ghi số ngày và vị trí cuối của phần ghi số năm. Nội dung trước khi sửa chữa là "Ngày 10/12/2022".

Vậy thực chất ngày 10/12/2021 nguyên đơn và bị đơn đã chốt lại số nợ 750.000.000 đồng và đến ngày 13/12/2021 bị đơn đã chuyển khoản trả đủ số tiền cho nguyên đơn. Lời khai của nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn cung cấp có sự mâu thuẫn với nhau, lời khai của bị đơn là phù hợp với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Lời trình bày của bị đơn là phù hợp, còn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần sửa bản án sơ thẩm. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diệu H về việc Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tứ Q và bà Nguyễn Thị Thái T phải trả cho bà Trần Thị Diệu H tổng cộng (cả gốc và lãi) số tiền là 725.530.000 đồng *(Bảy trăm hai lăm triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng).*

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Tứ Q, bà Nguyễn Thị Thái T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tứ Q, bà Nguyễn Thị Thái T. Sửa Bản án sơ thẩm số 29/2023/DSST ngày 15/8/2023 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diệu H về việc Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tứ Q và bà Nguyễn Thị Thái T phải trả cho bà Trần Thị Diệu H tổng cộng cả gốc và lãi số tiền là 725.530.000 đồng *"Bảy trăm hai lăm triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng"*.

Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Nguyễn Tứ Q và bà Nguyễn Thị Thái T phải chịu chi phí giám định số tiền 12.620.000 đồng, được khấu trừ số tiền ông Q đã nộp tạm ứng chi phí.

Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Diệu H phải chịu 33.012.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.956.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0018220 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Bà H tiếp tục phải đóng 17.056.200 đồng.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tứ Q và bà Nguyễn Thị Thái T không phải án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn trả 600.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Nguyễn Thị Thái T và ông Nguyễn Tứ Q đã nộp theo biên lai số AA/2021/0018641 ngày 06/9/2023 và AA/2021/0018640 ngày 06/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND thị xã Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS thị xã B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn